

Bản án số: 55/2019/HS-ST
Ngày 29-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **L Anh Luyện**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Minh Biên**.

2. Bà **Trần Thị Hoài**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Nga** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà **Lý Hồng Hạnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H. Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 52/2019/TLST - HS, ngày 11 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1127/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019 đối với:

1. Bị cáo: ĐINH VĂN T (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 20 tháng 02 năm 1987 tại huyện Bắc Q, tỉnh H.

Nơi cư trú: Thôn C, xã Bằng H, huyện B, tỉnh H; Nghề nghiệp: Không; Tr độ văn hóa (học vấn): 07/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đinh Văn C- Sinh năm: 1962; Con bà: Đào Thị M- Sinh năm: 1960; Vợ là Hoàng Thị C- Sinh năm 1979 (đã ly hôn); Con: Chưa có;

Tiền sự: Không;

Tiền án: Bản án số 04/2018/HSST ngày 09-02-2018 của TAND thành phố H, tỉnh H xử phạt Đinh Văn T 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt chưa được xóa án tích.

Nhân thân:

Bản án số 60/2008/HSST ngày 23-12-2008 của Tòa án nhân dân huyện Chiêm H, tỉnh T xử phạt Đinh Văn T 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bản án số 10/2009/HSST ngày 26-02-2009 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Q xử phạt Đinh Văn T 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Tổng hợp hình phạt của bản án số 60 ngày 23-12-2008 của TAND huyện Chiêm H, buộc bị cáo phải chấp hành 39 tháng tù. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt đã được xóa án tích.

Hiện tại có 02 bản án (chưa có hiệu lực pháp luật).

Bản án số 53/2019/ HSST ngày 26-11-2019 của TAND huyện Bắc Q, tỉnh H xử phạt bị cáo Đinh Văn T 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp bản án số: 09/2019/ HS-ST ngày 17-10-2019 của TAND huyện L B, tỉnh T xử phạt bị cáo

T 02 năm 01 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", buộc bị cáo T chấp hành chung hai bản án 04 năm 01 tháng tù.

Bản án số 99/2019/ HSST ngày 27-11-2019 của TAND huyện Chiêm H, tỉnh T xử phạt: 02 năm 07 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Tổng hợp bản án số: 09/2019/ HS-ST ngày 17-10-2019 của TAND huyện L B, tỉnh T xử phạt bị cáo T: 02 năm 01 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Buộc bị cáo chấp hành chung hai bản án 04 năm 8 tháng tù.

Bị cáo T bị bắt ngày 12-6-2019 đến ngày 24-8-2019 trốn trại tạm giam. Bị bắt lại ngày 27-8-2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H; Hôm nay có mặt.

2. Bị cáo: QUAN VĂN T (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1994, tại huyện Bắc Q, tỉnh H.

Nơi cư trú: Thôn C, xã Bằng H, huyện B, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Tr độ văn hóa (học vấn): 09/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Quan Văn P- Sinh năm: 1972; Con bà: Đinh Thị N- Sinh năm: 1974; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự, tiền sự: Không; Nhân thân: Xấu

Hiện tại có 01 bản án (chưa có hiệu lực pháp luật). Bản án số 53/2019/ HSST ngày 26-11-2019 của TAND huyện Bắc Q, tỉnh H xử phạt bị cáo Quan Văn T 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Bị cáo T bị bắt ngày 12-8-2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T; Hôm nay có mặt.

3. Bị cáo: NGUYỄN VĂN K (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1996 tại huyện Y, tỉnh H.

Nơi cư trú: Thôn Làng K, xã D, huyện Y, tỉnh H; Nghề nghiệp: Không; Tr độ văn hóa (học vấn): 10/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn Q, sinh năm 1971; Con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1974; Vợ, con: Chưa có;

Tiền sự: Không; Nhân thân: Xấu

Tiền án: 02

Bản án số 19/2016/HSST ngày 14-12-2016 của Tòa án nhân dân huyện B xử phạt Nguyễn Văn K 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Bản án số 03/2017/HSST ngày 19-01-2017 của Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt Nguyễn Văn K 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và 12 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Tổng hợp hình phạt của bản án số 19 ngày 14-12-2016 của TAND huyện B, buộc bị cáo phải chấp hành chung 29 tháng tù. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích.

Bị cáo hiện đang được tại ngoại theo Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số 1078/2019/HSST- QĐ ngày 12-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện V; Hôm nay có mặt.

Bị hại:

1. Anh **Vi Văn Q**, sinh năm 2000; Địa chỉ: Thôn Làng M, xã Đ, huyện V, tỉnh H; Hôm nay có mặt.

2. Anh **Vàng Văn T**, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn Nhạ, xã Đồng T, huyện B Q, tỉnh H; Hôm nay có mặt.

3. Chị **Hoàng Thị T**, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn Làng T, xã Đ, huyện V, tỉnh H; Hôm nay vắng mặt.

4. Ông **Nguyễn Tiến D**, sinh năm 1963; Địa chỉ: Thôn Lùng Sinh, xã V, huyện V, tỉnh H; Hôm nay có mặt.

5. Trạm y tế xã Đ, huyện V, tỉnh H; Địa chỉ: Thôn Hợp Thành, xã Đ, huyện V, tỉnh H; *Người đại diện theo pháp luật của bị hại*: Chị **Trần Thị Th**, sinh năm 1986 - Trạm trưởng y tế; Địa chỉ: Thôn Hợp Thành, xã Đ, huyện V. Hôm nay vắng mặt.

6. Trạm y tế xã thị trấn Nông T V, huyện V, tỉnh H; Địa chỉ: Tổ 01, thị trấn Nông T V, huyện V, tỉnh H; *Người đại diện theo pháp luật của bị hại*: Ông **Vũ Văn H**, sinh năm 1964 - Trạm trưởng y tế; Địa chỉ: Tổ 01, thị trấn Nông T V, huyện V, tỉnh H; Hôm nay vắng mặt.

7. Nghĩa trang huyện V, tỉnh H; Địa chỉ: Tổ 18, thị trấn Vị X, huyện V, tỉnh H; *Người đại diện theo pháp luật của bị hại*: Anh **Bế Văn S**, sinh năm 1978 – Q lý nghĩa trang Vị X; Địa chỉ: Tổ 18, thị trấn Vị X, huyện V, tỉnh H; Hôm nay vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Đinh Văn C**, sinh năm 1962; Địa chỉ: Thôn C, xã Bằng H, huyện B, tỉnh H. Hôm nay có mặt

2. Anh **Trần Văn L**, sinh năm 1983; Địa chỉ: Tổ 10, thị trấn V, huyện Bắc Q, tỉnh H. Hôm nay vắng mặt

Người làm chứng:

1. Bà **Đào Thị M**, sinh năm 1960; Địa chỉ: Thôn C, xã Bằng H, huyện B, tỉnh H; Hôm nay vắng mặt

2. Anh **Vương Văn H**, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn Đức T, xã Đ, huyện V, tỉnh H; Hôm nay có mặt

3. Anh **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn Làng M, xã Đ, huyện V, tỉnh H; Hôm nay có mặt

4. Ông **Lục Văn T**, sinh năm 1951; Địa chỉ: Thôn Làng T, xã Đ, huyện V, tỉnh H; Hôm nay có mặt

5. Anh **Quan Văn P**, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn C, xã Bằng H, huyện B, tỉnh H; Hôm nay vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trên cơ sở kết quả điều tra đã xác định được như sau:

*** Vụ thứ 01:**

Khoảng 00 giờ ngày 20-01-2019 Đinh Văn T, sinh năm 1987, rủ Nguyễn Văn K, sinh năm 1996, đi lên địa bàn huyện V để trộm cắp tài sản (*K đến nhà T chơi từ trước*), K đồng ý. Sau đó T điều khiển xe mô tô BKS 23D1 – 317.85 chở K ngồi sau. Khi đi T mang theo 01 vạm phá khóa, 01 kìm cộng lực, 01 chai xăng (để trong ba lô). Khoảng 02 giờ cùng ngày T và K đến Thôn Đức T, xã Đ, huyện

V thì phát hiện tại hiên nhà anh Vương Văn H, sinh năm 1990, có 01 chiếc xe mô tô BKS 23D1 – 182.87, nhãn hiệu Honda, màu sơn đen – trắng không có người trông coi (*Chiếc xe mô tô này là của Vàng Văn T, sinh năm 1991, trú tại Thôn Nha, xã Đồng T, huyện B Q, T đến nhà H chơi*). Lúc này T bảo K đứng ngoài cánh giới còn T đi vào dùng vạm phá khóa xe rồi dắt chiếc xe mô tô ra chỗ K đang đứng. Sau đó T nổ máy điều khiển xe mô tô vừa trộm cắp được còn K đi xe mô tô của T về nhà T. Khoảng 13 giờ ngày 21-01-2019 T sử dụng máy trà số khung, số máy rồi lắp biển kiểm soát giả vào xe trộm cắp. Sau đó T gọi điện thoại cho Quan Văn T, T hỏi có mua xe máy T vừa trộm cắp được không, T đồng ý. T hẹn T và K mang xe ra khu vực cầu treo cách nhà T khoảng 600m. T xem xe và trả cho T 3.200.000đ (*Ba triệu hai trăm nghìn đồng*). Sau khi bán chiếc xe mô tô xong T chia cho K 800.000đ (*Tám trăm nghìn đồng*), còn lại 2.400.000đ (*Hai triệu bốn trăm nghìn đồng*) T đã tiêu xài cá nhân hết. Về phía T sau khi mua xe của T xong T đã đem bán cho một người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ được 3.500.000đ (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*), số tiền này T đã chi tiêu hết.

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 05-7-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V kết luận: 01 chiếc xe mô tô BKS 23D1 – 182.87 có giá trị là 10.290.000đ (*Mười triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng*) (BL số 235).

*** Vụ thứ 02:**

Khoảng 00 giờ ngày 24-02-2019 T rủ Quan Văn T, sinh năm 1994, trú tại Thôn C, xã Bằng H, huyện B, tỉnh H lên địa bàn huyện V với mục đích trộm cắp tài sản. T điều khiển xe mô tô BKS 23D1 – 317.85, chở T ngồi sau. Khoảng 02 giờ thì đến thôn Làng Má, xã Đ, huyện V thì T và T phát hiện tại sân nhà anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1976, trú tại thôn Làng Má, xã Đ, huyện V có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX BKS 23B1 – 218.72 (*Chiếc xe này là của Vi Văn Q, sinh năm 2000, trú tại thôn đến chơi và ngủ tại nhà Luyện*) không có người trông coi. Lúc này T bảo T đứng ngoài cánh giới còn T đi vào sân dắt chiếc xe mô tô ra chỗ T đang đợi rồi dùng vạm phá khóa điện của xe và đổ thêm xăng vào bình xe (*Chiếc vạm và xăng T mang theo từ trước*). Sau đó T nổ máy xe vừa trộm cắp được đi trước còn T đi xe mô tô của T đi sau cả hai cùng về nhà T. Sau khi trộm cắp được xe T và T đã trà số khung số máy rồi lắp biển số giả vào xe (*biển số giả T nhặt được trước đó*). Sau đó T đưa xe cho T mang đi bán, T đã bán cho một người đàn ông không biết tên tuổi địa chỉ được 3.500.000đ (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*), T đưa cho T 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*), T giữ lại 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*), số tiền này T và T đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 05-7-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V kết luận: 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 23B1 – 218.72 có giá trị là 13.975.000đ (*Mười ba triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) (BL số 239).

*** Vụ thứ 03:**

Khoảng 00 giờ ngày 14-4-2019 Đình Văn T lại rủ Quan Văn T đi lên địa bàn huyện V để trộm cắp tài sản, T đồng ý. Sau đó T sử dụng xe mô tô BKS 23D1 – 317.85 chở T ngồi sau. Khoảng 02 giờ cùng ngày thì đến thôn Làng Trần, xã Đ, huyện V thì T và T phát hiện 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave ALPHA, BKS 23K1 – 8689 được để dưới gầm sân nhà ông Lục Văn T, sinh năm 1951, trú

tại thôn Làng Trần, xã Đ (*Chiếc xe này là của Hoàng Thị T, sinh năm 1986, trú tại thôn Làng Trần, xã Đ, là con dâu của ông Th gửi trước đó*) không có người trông coi nên T dừng xe cách nhà ông Th khoảng 20m và bảo T đứng ngoài cảnh giới, còn T đi vào gầm sàn dắt chiếc xe mô tô ra chỗ T đang đợi (*chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ điện*), T mở cốp xe T đưa cho T chai xăng để đổ vào bình (*chai xăng mang theo từ trước*), rồi T nổ máy xe, mỗi người điều khiển một xe đi về nhà T, sau đó T trả số khung, số máy, lắp biển số giả vào xe trộm cắp được (*biển số giả T nhặt được trước đó*) rồi đưa cho T đem đi bán. Sau khi nhận xe T đã bán cho một người đàn ông không biết tên tuổi địa chỉ được 3.400.000đ (*Ba triệu bốn trăm nghìn đồng*), T chia cho T 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*), T giữ lại 1.900.000đ (*Một triệu chín trăm nghìn đồng*), số tiền này T và T đã chi tiêu hết.

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 05-7-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V kết luận: 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 23K1 – 8689 có giá trị là 792.000đ (*Bảy trăm chín mươi hai nghìn đồng*) (BL số 244).

*** Vụ thứ 04:**

Khoảng 00 giờ ngày 27-4-2019 T một mình điều khiển xe mô tô BKS 23D1 – 317.85 từ nhà lên địa bàn huyện V để trộm cắp tài sản. Khi đi T mang theo 01 dây cao su, 01 kim cộng lực để trong ba lô. Khoảng 03 giờ cùng ngày T phát hiện thấy nhà anh Nguyễn Tiến D, sinh năm 1963, trú tại thôn Lùng S, xã V không có ai ở nhà, cửa khóa ngoài. Lúc này T dùng kim cộng lực cắt khóa cửa đi vào trong nhà, sau đó sử dụng đèn điện thoại soi phát hiện trên gác sếp có 01 chiếc ti vi LG loại 32 ing, tại bếp có 01 bình ga và 01 bếp ga. T lấy trộm toàn bộ số tài sản trên và dùng dây cao su buộc sau yên xe rồi chở về nhà. Sau đó T để chiếc ti vi vào trong phòng ngủ để xem còn bếp ga và bình ga T đã bán cho một người thu mua sắt vụn không biết tên tuổi địa chỉ được 450.000đ (*Bốn trăm năm mươi nghìn đồng*), số tiền này T đã sử dụng hết.

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 05-7-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V kết luận: 01 chiếc ti vi LG 32 ing có giá trị là 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) (BL số 248).

*** Vụ thứ 05:**

Khoảng 01 giờ ngày 11-5-2019 T một mình điều khiển xe mô tô BKS 23D1 – 317.85 từ nhà lên địa bàn huyện V để trộm cắp tài sản. Khi đi T mang theo 01 dây cao su, 01 kim cộng lực để trong ba lô. Khoảng 02 giờ cùng ngày T đi qua Trạm y tế thị trấn nông T Việt L thấy điện bật sáng, quan sát không có người trông coi nên T đi vào tìm tài sản để trộm cắp. T dựng xe ở lề đường rồi đi lên tầng 2 Trạm y tế thấy 01 phòng khóa cửa ngoài nên T dùng kim cộng lực cắt khóa cửa, T đi vào trong phòng thấy có 01 ti vi loại 32 ing nhãn hiệu SONY và 01 màn hình máy tính để bàn loại 19 ing nhãn hiệu Sam Sung. Lúc này T mang máy tính và ti vi ra chỗ để xe rồi sử dụng dây cao su buộc máy tính và ti vi phía sau xe chở về nhà. Khi đi đến khu vực (*cầu Sáo*) thuộc xã Quang M, huyện Bắc Q thì dây cao su bị đứt, màn hình máy tính bị rơi xuống đất vỡ hỏng nên T đã vứt xuống Sông Lô, còn chiếc ti vi sau khi mang về nhà T đã bán cho một người đàn ông thu mua sắt vụn không biết tên tuổi địa chỉ được 800.000đ (*Tám trăm nghìn đồng*), số tiền này T đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 05-7-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V kết luận: 01 chiếc ti vi SONY 32 ing và 01 màn hình máy tính Sam Sung 19 ing có giá trị là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) (BL số 252).

*** Vụ thứ 06:**

Khoảng 00 giờ ngày 04-6-2019 T một mình điều khiển xe mô tô BKS 23D1 – 317.85 từ nhà lên địa bàn huyện V để trộm cắp tài sản. Khi đi T mang theo 01 ba lô (*bên trong để 01 dây cao su và 01 kim cộng lực*). Khoảng 02 giờ cùng ngày thì đến Trạm y tế xã Đ, huyện V. T để xe mô tô ở ngoài cổng rồi khoác ba lô đi bộ vào Trạm y tế tìm xem có tài sản gì sơ hở để trộm cắp. T tìm xung quanh Trạm y tế thì thấy 01 phòng khóa cửa ngoài nên T dùng kim cộng lực cắt khóa cửa thấy trong phòng có 02 chiếc máy tính xách tay (*trong đó có 01 máy tính nhãn hiệu Lenovo và 01 máy tính nhãn hiệu Acer*), T lấy trộm 02 máy tính này cho vào ba lô rồi ra xe đi về nhà. Ngày 05-6-2019 T mang 02 chiếc máy tính trên bán cho Trần Văn L, sinh năm 1983, trú tại tổ 10, thị trấn V, huyện Bắc Q, tỉnh H (*là chủ cửa hàng máy tính Nam A*) với giá 2.300.000đ (*Hai triệu ba trăm nghìn đồng*), số tiền này T đã chi tiêu cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 18-6-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V kết luận: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Lenovo 14 ing và 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Acer có giá trị là 6.500.000đ (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) (BL số 227).

*** Vụ thứ 07:**

Khoảng 00 giờ ngày 07-6-2019 T một mình điều khiển xe mô tô BKS 23D1 – 317.85 từ nhà lên thị trấn Vì X, huyện V với mục đích để trộm cắp tài sản. Khi đi T mang theo 01 ba lô (*bên trong để 01 dây cao su và 01 kim cộng lực*). Khoảng 02 giờ cùng ngày thì đến Nghĩa trang liệt sỹ Vì X, T quan sát không thấy có người qua lại nên dựng xe ở ngoài cổng, T khoác ba lô đi bộ vào khu vực Q lý nghĩa trang, đến nơi T thấy có gắn camera nên đã dùng 04 chiếc chổi che camera lại. Sau đó T dùng kim cộng lực cắt khóa cửa, đang cắt thì kim bị gãy nên T đi xuống khu vực lán công Tr gần đó (*cách nghĩa trang khoảng 100m*) lấy được kim cộng lực tiếp tục quay lại cắt khóa. Sau khi cắt khóa cửa T lấy trộm 01 máy tính xách tay loại 14 ing nhãn hiệu HP, 01 chuột, 01 bộ sạc điện của máy tính, 01 đầu thu mic không dây, 03 micro không dây, T cho toàn bộ số tài sản này vào ba lô rồi khoác ra chỗ để xe đồng thời mang theo 02 chiếc kim cộng lực ra vút ở khu vực cổng nghĩa trang rồi điều khiển xe mô tô chờ các tài sản vừa trộm cắp được về nhà. Quá Tr khám xét đã thu giữ được toàn bộ tài sản trên.

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 18-6-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V kết luận: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP, 14 ing, 01 chuột, 01 bộ sạc điện của máy tính, 01 đầu thu mic không dây, 02 micro không dây, 01 micro không có nhãn có giá trị là 5.000.000đ (*Năm triệu nghìn đồng*) (BL số 232).

Tổng số tài sản do T, K, T đã trộm cắp có giá trị là: 42.507.000đ (*Bốn mươi hai triệu năm trăm linh bảy nghìn đồng*). Trong đó T tham gia cùng T trộm cắp là 14.767.000đ (*Mười bốn triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*). K cùng T tham gia trộm cắp là 10.290.000đ (*Mười triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng*).

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA màu sơn xanh – đen, số loại WAVE biển kiểm soát 23D1 – 317.85;
- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 018864 mang tên Đinh Văn C, sinh năm 1962;
- 02 kim cộng lực bằng kim loại (*một cái sơn màu đỏ, một cái sơn màu xanh*);
- 01 dây cao su dài 3,66 mét;
- 01 vạm kim loại hình chữ L có chiều dài 17cm, đường kính 0,8cm;
- 01 túi ba lô màu xanh – đen;
(Số vật chứng này đã chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Q lý theo quy định).

* Đối với 03 chiếc xe mô tô BKS 23D1 – 182.87, xe mô tô BKS 23B1 – 218.72 và xe mô tô BKS 23K1 – 8689, và 01 bình ga, 01 bếp ga. Quá Tr điều tra chưa thu giữ được nên Cơ quan điều tra Công an huyện V đã tiến hành Th báo truy tìm vật chứng (BL số 220 đến 223).

* Cơ quan CSĐT Công an huyện V sau khi thu giữ đã trả lại cho chủ sở hữu gồm:

01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP, 01 chuột, 01 sạc điện máy tính; 01 đầu thu mic không dây, 02 micro không dây nhãn hiệu SHURE-PG89II, 01 micro không còn nhãn. Quá Tr điều tra xác định những tài sản trên đây là tài sản của Phòng truyền thống Nghĩa trang liệt sỹ huyện V nên ngày 27-8-2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã trả lại cho chủ sở hữu (BL số 197).

01 tivi LG 32 inch (32CS410), MODEL NO 32CS410 – TB; SERIAL NO 301VNWP 00665; MANUFACTURED: 01 – 2013 do Việt Nam sản xuất. Quá Tr điều tra xác định chiếc tivi này là tài sản của Nguyễn Tiến D nên ngày 27-8-2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã trả lại cho chủ sở hữu (BL số 217).

01 máy tính xách tay nhãn hiệu Lenovo G4030, 14”; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Acer, màu đen số ASES1 – 572 – 028.46. Quá Tr điều tra xác định là tài sản của Trạm y tế xã Đ nên ngày 28-8-2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã trả lại cho chủ sở hữu (BL số 201).

Về phần dân sự: Các bị hại yêu cầu các bị cáo Đinh Văn T, Nguyễn Văn K, Quan Văn T phải bồi thường thiệt hại cho các bị hại theo kết luận định giá tài sản.

Bị hại Vàng Văn T yêu cầu bồi thường số tiền 10.290.000đ (*Mười triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng*), giá trị xe mô tô BKS 23D1- 182.87.

Bị hại Vi Văn Q yêu cầu bồi thường số tiền 13.975.000đ (*Mười ba triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*), giá trị xe mô tô BKS 23 B1- 218.72

Bị hại Hoàng Thị T yêu cầu bồi thường số tiền 792.000đ (*Bảy trăm chín mươi hai nghìn đồng*), giá trị xe mô tô BKS 23K1- 8689.

Bị hại Nguyễn Tiến D yêu cầu bị cáo Đinh Văn T phải bồi thường giá trị bếp ga (bếp ga T lấy trộm đã bán): 450.000 đ

Bị hại Trạm y tế thị trấn nông trường V, Vi X yêu cầu bồi thường 01 chiếc tivi SONY 32 inch và 01 màn hình máy tính Sam Sung 19 inch có giá trị là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) (BL số 252).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Văn L (*chủ cửa hàng máy tính Nam A*) yêu cầu bồi thường số tiền 2.300.000đ (*Hai triệu ba trăm nghìn đồng*).

Tại cáo trạng số: 53/CT-VKS ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh H. Quyết định truy tố đối với: Bị cáo Đinh Văn T về tội “ Trộm cắp tài sản ” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Nguyễn Văn K, Quan Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo Quan Văn T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Đinh Văn T đã thừa nhận trộm cắp 07 lần tại các địa điểm khác nhau, của các bị hại, trong đó có 01 lần trộm cắp với K và 02 lần trộm cắp cùng T. Tổng số tài sản do T trộm cắp là 42.507.000đ sau khi trộm cắp được tài sản, bán lấy tiền T sử dụng chi tiêu cá nhân để bảo đảm cuộc sống hàng ngày như bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu là đúng. Bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị với HĐXX giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về hòa nhập với gia đình và cộng đồng. Ngoài ra, bị cáo T thừa nhận đã trộm cắp tại các địa phương Hàm Y, Chiêm H, L, B đang bị Cơ quan điều tra các huyện khởi tố, truy tố, xét xử theo quy định.

Nguyễn Văn K khai nhận đã tham gia cùng bị cáo T trộm cắp 01 lần 01 xe máy có giá trị là 10.290.000đ như lời khai của T đã Tr bày là đúng. Bị cáo K nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị với HĐXX giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về hòa nhập với gia đình và cộng đồng. Ngoài ra bị cáo K đang bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Hàm Y khởi tố vụ án, khởi tố, truy tố, xét xử về tội Trộm cắp tài sản theo quy định

Quan Văn T khai nhận cùng bị cáo T trộm cắp hai lần giá trị tài sản 14.767.000đ như lời khai của T đã Tr bày là đúng và còn tiêu thụ tài sản do bị cáo T mang đến bán 01 xe máy do phạm tội mà có. Bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản do trộm cắp mà có của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị với HĐXX giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo T để bị cáo sớm về hòa nhập với gia đình và cộng đồng. Ngoài ra bị cáo T đang bị các Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Q, Hàm Y, Chiêm H khởi tố vụ án, khởi tố, truy tố, xét xử về tội Trộm cắp tài sản theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay các bị hại yêu cầu như sau:

Bị hại Vàng Văn T yêu cầu các bị cáo T, K bồi thường số tiền 10.290.000đ (*Mười triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng*),

Bị hại Vi Văn Q yêu cầu các bị cáo T, T bồi thường số tiền 13.975.000đ (*Mười ba triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) trị giá xe mô tô BKS 23 D1 - 317.85.

Bị hại Nguyễn Tiến D yêu cầu bị cáo Đinh Văn T phải bồi thường giá trị bếp ga (bếp ga T lấy trộm đã bán): 450.000 đ.

Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bị hại vắng mặt. Chủ tọa phiên tòa công bố lời khai và yêu cầu của các bị hại có trong hồ sơ.

Bị hại Hoàng Thị T yêu cầu bị cáo T, T bồi thường số tiền 792.000đ (*Bảy trăm chín mươi hai nghìn đồng*), giá trị xe mô tô BKS 23K1- 8689.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Văn L (*chủ cửa hàng máy tính Nam A*) yêu cầu bồi thường số tiền 2.300.000đ (*Hai triệu ba trăm nghìn đồng*). Bị cáo T phải trả cho L 2.300.000đ.

Bị hại người đại diện Trại y tế thị trấn Nông T Việt L Vĩ X yêu cầu bồi thường 01 chiếc ti vi SONY 32 ing và 01 màn hình máy tính Sam Sung 19 ing có giá trị là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) (BL số 252). Buộc bị cáo T phải trả 5.000.000đ cho Trại y tế thị trấn Nông T Việt L Vĩ X.

Tại phiên tòa hôm nay các bị hại người đại diện phòng Chuyên thống nghĩa trang liệt sỹ - Vĩ X, người đại diện Trại y tế Đ, Nguyễn Tiến D sau khi đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bổ sung về phần trách nhiệm dân sự.

Người làm chứng đã khai tại hồ sơ hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo khai nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V thực hành quyền công tố tại phiên tòa ngày hôm nay, có quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Đưa ra chứng cứ đánh giá mức độ hành vi phạm tội và thái độ thành khẩn khai báo của các bị cáo; lời khai của các bị hại; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; lời khai của người làm chứng. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V đề nghị với HĐXX tuyên bố:

Về tội danh: Tuyên bị cáo Đinh Văn T phạm tội “ Trộm cắp tài sản ” theo điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Nguyễn Văn K, Quan Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo Quan Văn T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo Đinh Văn T từ 30 tháng đến 36 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, ngày 27-8-2019. (*Được khấu trừ ngày bị bắt từ ngày 12-6-2019 đến ngày 24-8-2019*)

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo K đi chấp hành án phạt tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 323; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo Quan Văn T từ 12 tháng đến 15 tháng tù về “ Trộm cắp tài sản” và từ 07 tháng đến 09 tháng tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tổng hợp chung hai tội từ 19 đến 24 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo T bị bắt ngày 12-8-2019.

Về phần dân sự:

Các bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại cần được chấp nhận như sau:

Bị hại Vàng Văn T yêu cầu các bị cáo T, K bồi thường số tiền 10.290.000đ (*Mười triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng*). Cần chấp nhận tính theo tỷ lệ phần trăm các bị cáo đã hưởng. Buộc bị cáo T 7.717.500đ, K trả 2.572.500đ cho bị hại T

Bị hại Vi Văn Q yêu cầu các bị cáo T, T bồi thường số tiền 13.975.000đ (*Mười ba triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) trị giá xe mô tô BKS 23 D1 - 317.85. Cần chấp nhận tính theo tỷ lệ phần trăm các bị cáo đã hưởng buộc bị cáo T phải trả: 7.987.000đ, bị cáo T phải trả: 5.988.000đ cho bị hại Q

Bị hại Hoàng Thị T yêu cầu bị cáo T, T bồi thường số tiền giá trị xe mô tô BKS 23K1- 8689. Các bị cáo đã tự nguyện trả theo giá trị thực tế xe mô tô các bị cáo đã bán: 3.400.000đ; T phải bồi thường: 1.500.000đ, T phải bồi thường: 1.900.000đ. trả cho bị hại Tr

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Văn L (*chủ cửa hàng máy tính Nam A*) yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 2.300.000đ (*Hai triệu ba trăm nghìn đồng*). Cần chấp nhận buộc bị cáo T bồi thường số tiền 2.300.000đ

Bị hại Trạm y tế thị trấn Nông T Việt L Vi X người đại diện yêu cầu bồi thường 01 chiếc ti vi SONY 32 ing và 01 màn hình máy tính Sam Sung 19 ing có giá trị là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) (BL số 252). Cần chấp nhận buộc bị cáo T phải trả 5.000.000đ cho Trạm y tế thị trấn Nông T Việt L Vi X.

Nguyễn Tiến D yêu cầu bị cáo Đinh Văn T phải bồi thường giá trị bếp ga (bếp ga T lấy trộm đã bán): Cần chấp nhận buộc bị cáo T phải trả 450.000 cho Nguyễn Tiến D.

Các bị cáo còn phải trả lãi với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định.

Các bị hại người đại diện phòng chuyên thống nghĩa trang liệt sỹ - Vi X, người đại diện Trạm y tế Đ, Nguyễn Tiến D đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm về phần trách nhiệm dân sự. Ngoài ra, không có ý kiến gì bổ sung. Do vậy không xem xét.

Về vật chứng: Áp dụng điểm khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy: Công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội gồm:

02 kim cộng lực bằng kim loại (*một cái sơn màu đỏ, một cái sơn màu xanh*); 01 dây cao su dài 3,66 mét; 01 văm kim loại hình chữ L có chiều dài 17cm, đường kính 0,8cm; 01 túi ba lô màu xanh – đen;

Trả lại tài sản cho chủ sở hữu ông Đinh Văn C gồm:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA màu sơn xanh – đen, số loại WAVE biển kiểm soát 23D1 – 317.85; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 018864 mang tên Đinh Văn C, sinh năm 1962;

(Tình trạng vật chứng theo biên bản bàn giao ngày 11-11-2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện V)

Về án phí, quyền kháng cáo của các bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định pháp luật.

Phần tranh luận tại phiên tòa:

Các bị cáo T, K, T có ý kiến nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa.

Quyền của các bị cáo nói lời sau cùng:

Các bị cáo T, K, T nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật. Các bị cáo T, K, T xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo sớm trở về với gia đình và cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá Tr giải quyết vụ án HĐXX nhận thấy Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên đã thực hiện hành vi, quyết định tố tụng về khởi tố vụ án, khởi tố bị can, ra biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam, lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo, ra quyết định truy tố; thu thập chứng cứ tài liệu, vật chứng đã khách quan, phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá Tr điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã khai nhận, vào khoảng 02 giờ 00 phút, ngày 20-01-2019 Đinh Văn Trủ Nguyễn Văn K đi trộm cắp 01 xe mô tô BKS 23D1-182.87 của Vàng Văn T tại Thôn Đức T, xã Đ, huyện V, tỉnh H. Sau khi trộm cắp được tài sản bán cho Quan Văn T với giá 3.200.000đ. T khi mua được xe do T và K trộm cắp, đã bán cho một người đàn ông không biết tên tuổi địa chỉ với giá 3.500.000đ. Kết quả định giá chiếc xe này có giá trị là 10.290.000đ. Khoảng 02 giờ ngày 24-02-2019 tại thôn Làng Má, xã Đ, T và Quan Văn T thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô BKS 23B1-218.72 của Vi Văn Q có giá trị 13.975.000đ. Khoảng 02 giờ ngày 14-4-2019 T và T lại trộm cắp ở thôn Làng Trần, xã Đ 01 xe mô tô BKS 23K1-8689 của Hoàng Thị T có giá trị là 792.000đ. Khoảng 03 giờ ngày 27-4-2019 T một mình trộm cắp ở thôn Lùng S 01 chiếc ti vi nhãn hiệu LG 32 ing, 01 bình ga, 01 bếp ga của Nguyễn Tiến D trị giá 500.000đ + bếp ga bán 450.000đ. Khoảng 02 giờ ngày 11-5-2019 T lại trộm cắp ở Trạm y tế thị trấn nông T Việt L 01 ti vi nhãn hiệu SONY 32 ing và 01 màn hình máy tính để bàn 19 ing có giá trị là 5.000.000đ. Khoảng 02 giờ ngày 04-6-2019 T lại thực hiện hành vi trộm cắp 02 máy tính xách tay tại Trạm y tế xã Đ trị giá 6.500.000đ. Khoảng 02 giờ ngày 07/6/2019 T trộm cắp 01 máy tính xách tay, 01 chuột, 01 bộ sạc điện của máy tính, 01 đầu thu mịch không dây, 03 micro không dây tại Nghĩa trang liệt sỹ Vĩ X có giá trị là 5.000.000đ. Mục đích các bị cáo trộm cắp tài sản của người khác bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Lời nhận tội của các bị cáo trước phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản hiện T, sơ đồ hiện T, bản ảnh hiện T, phù hợp biên bản định giá tài sản, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và bản cáo trạng đã nêu. Các bị cáo T, K, T là người có đủ năng lực hành vi chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo T, K, T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản có giá trị tài sản là: 42.507.000đ với lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm

phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo T 07 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác, liên tục từ tháng 01 đến tháng 06/ 2019 bán lấy tiền làm nguồn kiến sống nuôi bản thân, có tính chất chuyên nghiệp, theo Điều 5 NQ số: 01/2016/NQ-HĐTP ngày 12-5-2006 hướng dẫn. Còn bị cáo T thực hiện hành vi trộm cắp cùng bị cáo T hai lần, 01 lần có giá trị tài sản 13.975.000đ, lần 02 giá trị tài sản 792.000đ (*chưa đủ 2.000.000đ*), bị cáo K cùng T trộm cắp 01 lần 10.290.000đ. Do vậy HĐXX đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Đinh Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Các bị cáo T, K phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội.

Tại khoản 1; điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định.

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các T hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các T hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a)..

b) Có tính chất chuyên nghiệp”.

Đối với bị cáo Quan Văn T biết là tài sản do T, K trộm cắp mà có mang bán nhưng vẫn mua, để bán lại kiếm lời. Bị cáo T thực hiện hành vi "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng, gây cản trở lớn cho công tác điều tra, truy tố và xét xử và tạo điều K khuyến khích người khác phạm tội. Do vậy HĐXX đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Quan Văn T phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 BLHS. Như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội.

Tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự, quy định về tội "Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"

“1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo K, T đều có 01 bản án chưa xóa án tích lại phạm tội mới thuộc T hợp tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Bị cáo T không có.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Trong quá Tr điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo T, K, T thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, các tình tiết giảm nhẹ hình phạt khi lượng hình theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Các bị cáo T, K, T không có thu nhập ổn định nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung, hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Tính chất và mức độ của hành vi phạm tội:

Xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo T, T, K đã xâm hại đến tài sản của người khác, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế hộ gia đình, làm mất trật tự an ninh xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân tại địa phương, là nguy hiểm cho xã hội. Trong vụ án có đồng phạm giảm đơn, bị cáo T là người khởi xướng, chuẩn bị phương tiện công cụ đi trộm cắp tài sản, bị cáo T, K đồng ý cùng thực hiện, bị cáo T là người đứng đầu vụ án, có mức hình phạt cao hơn bị cáo T, K, bị cáo T với vai trò giúp sức tích cực tham gia cùng T hai lần trộm cắp có mức án cao hơn bị cáo K, bị cáo K tham gia cùng bị cáo T một lần trộm cắp tài sản. Hội đồng xét xử thấy rằng cần lên một mức án phù hợp trong khung hình phạt quy định đối với từng hành vi mà các bị cáo tham gia, để cho các bị cáo T, T, K có thời gian cách ly trong trại cải tạo, rèn luyện tu dưỡng bản thân trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng giáo dục, phòng ngừa chung loại tội phạm này theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 173 và điều 58 BLHS.

Đối với bị cáo T còn phạm tội " Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự, áp dụng Điều 55 BLHS, tổng hợp hình phạt chung hai tội buộc bị cáo T phải chấp hành chung hình phạt tù.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại người đại diện Trại y tế thị trấn Nông T Việt L Vĩ X, bị hại Vàng Văn T, Vi Văn Q, bị hại Hoàng Thị T yêu cầu bồi thường giá trị tài sản đã mất đối với các bị cáo Đinh Văn T, Nguyễn Văn K, Quan Văn T phải bồi thường thiệt hại cho các bị hại:

Bị hại Vàng Văn T yêu cầu các bị cáo T, K bồi thường số tiền 10.290.000đ (*Mười triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng*). Tính theo tỷ lệ phần các bị cáo đã hưởng. Cần chấp nhận buộc các bị cáo T phải trả 7.717.500đ, K phải trả 2.572.500đ cho bị hại Vàng Văn T

Bị hại Vi Văn Q yêu cầu các bị cáo T, T bồi thường số tiền 13.975.000đ (*Mười ba triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) trị giá xe mô tô BKS 23 D1 - 317.85. Tính theo tỷ lệ phần các bị cáo đã hưởng. Cần chấp nhận buộc bị cáo T phải trả 7.987.000đ, bị cáo T phải trả 5.988.000đ cho bị hại Q.

Bị hại Hoàng Thị T yêu cầu bị cáo T, T bồi thường số tiền giá trị xe mô tô BKS 23K1- 8689. Các bị cáo tự nguyện trả theo giá trị thực tế xe mô tô mà các bị cáo đã bán: 3.400.000đ; Cần được chấp nhận T phải bồi thường 1.500.000đ, T phải bồi thường 1.900.000đ trả cho bị hại Tr cần được chấp nhận.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Văn L (*chủ cửa hàng máy tính Nam A*) yêu cầu bị cáo T trả số tiền 2.300.000đ. Cần chấp nhận buộc bị cáo T trả số tiền 2.300.000đ.

Đại diện Trại y tế thị trấn Nông T Việt L Vĩ X yêu cầu bồi thường 01 chiếc ti vi SONY 32 ing và 01 màn hình máy tính Sam Sung 19 ing có giá trị là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) (BL số 252). Cần chấp nhận buộc bị cáo T phải trả 5.000.000đ cho Trại y tế thị trấn Nông T Việt L Vĩ X.

Buộc bị cáo Đinh Văn T phải bồi thường giá trị bếp ga (bếp ga T lấy trộm đã bán): 450.000 cho Nguyễn Tiến D.

Các bị cáo còn phải trả tiền lãi với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định.

Theo quy định tại các Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 585; Điều 587; khoản 1 Điều 589; Điều 357 Bộ luật dân sự:

Các bị hại người đại diện phòng chuyên thống nghĩa trang liệt sỹ - Vị X, người đại diện Trạm y tế Đ, Nguyễn Tiến D đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường về phần trách nhiệm dân sự. Do vậy không xem xét.

[7] Về vật chứng:

**Tịch thu tiêu hủy:* Công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội gồm:

- 02 kim cộng lực bằng kim loại (*một cái sơn màu đỏ, một cái sơn màu xanh*);
- 01 dây cao su dài 3,66 mét;
- 01 vam kim loại hình chữ L có chiều dài 17cm, đường kính 0,8cm;
- 01 túi ba lô màu xanh – đen;

**Trả lại tài sản cho chủ sở hữu ông Đinh Văn C:*

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA màu sơn xanh – đen, số loại WAVE BKS 23D1 – 317.85;
- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 018864 mang tên Đinh Văn C, sinh năm 1962;

(Tình trạng vật chứng theo biên bản bàn giao ngày 11-11-2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện V)

Theo khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[8] Về án phí: Buộc các bị cáo T, K, T chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch. Theo quy định tại theo Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH “Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, Q lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án”.

[9] Quyền kháng cáo: Các bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Nhưng nội dung có liên quan trong quá Tr điều tra vụ án:

Trong quá Tr bị tạm giam ngày 24-8-2019 bị can Đinh Văn T cùng với Lý Văn H đã có hành vi đào tường buồng giam trốn khỏi nơi giam giữ đến ngày 27-8-2019 thì T bị bắt. Ngày 26-8-2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra Lệnh tạm giam đối với bị can Đinh Văn T về tội Trốn khỏi nơi giam giữ theo quy định tại khoản 1 Điều 386 Bộ luật hình sự. Vụ án đang trong giai đoạn điều tra.

Quá trình điều tra bị can Đinh Văn T khai nhận trong khoảng tháng 01 năm 2019 đến tháng 6 năm 2019 ngoài hành vi trộm cắp tài sản ở địa bàn huyện VT còn thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản tại huyện Bắc Q, tỉnh H; huyện H, huyện Chiêm H, huyện L Bình (*tỉnh T*) đã bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Q, huyện Hàm Yên, huyện Chiêm H, huyện L Bình khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự để điều tra theo quy định.

Đối với Nguyễn Văn K ngoài thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản cùng T ở xã Đ, huyện V, tỉnh H, K còn thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản tại huyện Hn, tỉnh T. K đã bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Hàm Y khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đối với Quan Văn T, sau khi thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản cùng Đinh Văn Tại xã Đ, huyện V thì T còn thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản tại các huyện Bắc Q, Hàm Yên, Ch. T đã bị các Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Q, Hàm Y, Chiêm H khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đối với Trần Văn L, sinh năm 1983, trú tại tổ 10, thị trấn V, huyện Bắc Q, tỉnh H là người đã mua 02 máy tính xách tay của T. Khi mua L không biết 02 chiếc máy tính này là do T trộm cắp mà có nên Cơ quan CSĐT Công an huyện V không xem xét giải quyết (BL số 383 đến 384).

Đối với ông Đinh Văn C, sinh năm 1962 và bà Đào Thị M, sinh năm 1960, đều trú tại Thôn C, xã Bằng H, huyện B, tỉnh H (*là bố, mẹ đẻ của T*). Khi T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản đều mang về nhà cất giấu sau đó mới mang đi tiêu thụ. Việc trộm cắp tài sản và mang đi tiêu thụ ông Chủ và bà M không biết nên Cơ quan CSĐT Công an huyện V không xem xét xử lý (BL số 381 đến 382).

Đối với ông Quan Văn P, sinh năm 1972, trú tại Thôn C, xã Bằng H, huyện B, tỉnh H là người đã cho T mượn máy trà sau đó T sử dụng trà số khung số máy của xe mô tô do T, T, K trộm cắp được rồi mang đi tiêu thụ. Khi ông Ph cho mượn ông Ph không biết T sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan CSĐT Công an huyện V không xem xét xử lý (BL số 395). Đối với vật chứng là máy trà số khung số máy T khai nhận mượn của ông Quan Văn P sau đó ông Ph đã bán cho một người mua sắt vụn (*máy đã cũ*) nên không tiến hành thu hồi được (BL số 395).

02 miếng ốp sườn xe mô tô bằng nhựa màu đỏ, trên mỗi miếng ốp, dán tem nhãn có dòng chữ FutureII; 01 BKS xe mô tô 23H4 – 6162. Đây là vật chứng trong vụ án Trộm cắp tài sản đã được Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Q khởi tố vụ án theo Quyết định số 57 ngày 29/7/2019 nên Cơ quan CSĐT Công an huyện V bàn giao cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Q giải quyết theo thẩm quyền (BL số 194).

01 thẻ Đảng viên số 21.036024, cấp ngày 03/02/2009 mang tên Châu Văn N, sinh ngày 17-10-1982; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS; 01 mũ bảo hiểm nhãn hiệu ANDES màu đen, loại mũ có cằm; ½ BKS xe mô tô (*nửa bên dưới*) có các số 231.15. Qua Tr điều tra xác định số vật chứng này là vật chứng trong vụ án Trộm cắp tài sản của Cơ quan CSĐT Công an huyện Chiêm H nên ngày 01-10-2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã bàn giao cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Chiêm H giải quyết theo thẩm quyền (BL số 210).

01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, màu sơn vàng, đeo BKS 23K1 – 028.46. Qua Tr điều tra xác định chiếc xe mô tô này là vật chứng trong vụ án Trộm cắp tài sản của Cơ quan CSĐT Công an huyện L B, tỉnh T nên ngày 27/7/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã bàn giao cho Cơ quan CSĐT Công an huyện L Bình giải quyết theo thẩm quyền (BL số 199).

01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 029765, BKS 22B1 -921.70 mang tên Trần Văn Đ; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô số 004794, BKS 22Y1 – 4283 mang tên Trần Văn Đ; 01 giấy phép lái xe số Z976233 mang tên Trần Văn Đ; 01 giấy chứng minh nhân dân số 070807495 mang tên Trần Văn Đ sinh ngày 08-8-1976; 01 BKS xe mô tô 22B1 – 921.70; 01 BKS xe mô tô 22F1 – 2010; 01 giấy phép lái xe số 081137003894 mang tên Phạm Thị H. Đây là số vật chứng trong vụ

án Trộm cắp tài sản của Cơ quan CSĐT Công an huyện Hàm Y, tỉnh T nên ngày 09-10-2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã bàn giao cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Hàm Y giải quyết theo thẩm quyền (BL số 215).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt:

1). Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 173; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015. Tuyên bố: Bị cáo Đinh Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt bị cáo Đinh Văn T 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo T bị bắt, ngày 27-8-2019.

(Được khấu trừ ngày tạm giam từ ngày 12-6-2019 đến ngày 24-8-2019)

2). Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn K phạm tội “ Trộm cắp tài sản ”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo K đi chấp hành án phạt tù.

3). Áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 323 Điều 58; Điều 55; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Tuyên bố: Bị cáo Quan Văn T phạm tội “ Trộm cắp tài sản ” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Xử phạt bị cáo Quan Văn T 12 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản” và 07 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tổng hợp chung hai tội 19 (mười chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù, tính từ ngày bị cáo T bị bắt ngày 12-8-2019.

[2] Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 585; Điều 587; khoản 1 Điều 589; Điều 357 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Đinh Văn T phải bồi thường số tiền: 7.717.500đ và bị cáo Nguyễn Văn K phải bồi thường số tiền: 2.572.500đ cho bị hại Vàng Văn T đ/c : Thôn Nhạ, xã Đồng T, huyện B Q, tỉnh H.

Buộc bị cáo Đinh Văn T phải bồi thường số tiền: 7.987.000đ và bị cáo Quan Văn T phải bồi thường số tiền: 5.988.000đ cho bị hại Vi Văn Q đ/c: Thôn Làng M, xã Đ, huyện V, tỉnh H.

Buộc bị cáo Đinh Văn T phải bồi thường số tiền: 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) và bị cáo Quan Văn T phải bồi thường số tiền 1.900.000đ (Một triệu chín trăm đồng) cho bị hại Hoàng Thị T. Đ/c: Thôn Làng T, xã Đ, huyện V, tỉnh H;

Buộc bị cáo Đinh Văn T phải bồi thường số tiền 2.300.000đ (Hai triệu ba trăm nghìn đồng) cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Văn L Đ/c: Tổ 10, thị trấn V, huyện Bắc Q, tỉnh H.

Buộc bị cáo Đinh Văn T phải bồi thường số tiền: 5.000.000đ cho Trạm y tế thị trấn Nông T Việt L Vĩ X. Đ/c: Tổ 01, thị trấn Nông T V, huyện V, tỉnh H.

Buộc bị cáo Đinh Văn T phải bồi thường số tiền (tiền bếp ga đã bán): 450.000 cho Nguyễn Tiến D. Đ/c: Thôn Lùng Sinh, xã V, huyện V, tỉnh H.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy gồm:

- 02 kim cộng lực bằng kim loại (*một cái sơn màu đỏ, một cái sơn màu xanh*);
- 01 dây cao su dài 3,66 mét;
- 01 vạm kim loại hình chữ L có chiều dài 17cm, đường kính 0,8cm;
- 01 túi ba lô màu xanh – đen;

Trả lại tài sản: Cho chủ sở hữu ông Đinh Văn C: Địa chỉ: Thôn C, xã Bằng H, huyện B, tỉnh H.

01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA màu sơn xanh – đen, số loại WAVE biển kiểm soát 23D1 – 317.85; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 018864 mang tên Đinh Văn C, sinh năm 1962, BKS: 23D1 – 317.85;

(Tình trạng vật chứng theo biên bản bàn giao ngày 11-11-2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện V)

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326-2016-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 “quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, Q lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Buộc bị cáo T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch: 1.247.725đ

Buộc bị cáo T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch: 394.400đ.

Buộc bị cáo K phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch: 300.000đ.

[5] Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Báo cho các bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29-11-2019).

Báo cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bị hại vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

T hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Các bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện V;
- VKSND tỉnh H;
- Công an huyện V;

T-M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- *Tòa án nhân dân tỉnh;*
- *Sở tư pháp;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự huyện V;*
- *Lưu hs, hstha, vp.*

L Anh Luyện

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên)

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên)